

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2020

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Trọng Lâm

Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị M Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lã Thị H, năm 1980; Địa chỉ: Số nhà 649, đường Tr L, tổ 1, xã V Ch, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Ngọc Th, sinh năm 1980; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L H B, xã Đ L, huyện T H, tỉnh Thái Bình. Hiện anh Th đang lao động tại Hàn Quốc.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th: Ông Nguyễn Tiến S, sinh năm 1970; Địa chỉ: Thôn N A, xã V H, huyện V Th, tỉnh Thái Bình

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê M Đ, sinh năm 1957; Địa chỉ: thôn L H B, xã Đ L, huyện T H, tỉnh Thái Bình

(Có mặt: Chị H, ông S, ông Đ; vắng mặt: anh Th)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn chị Lã Thị H trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lê Ngọc Th tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/9/2004 tại Ủy ban nhân dân xã Đ S, huyện Đ H, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc nhưng do kinh tế khó khăn nên đến năm 2008 anh Th đi lao động tại Hàn Quốc. Thời kỳ đầu anh Th đi lao động vợ chồng chị vẫn quan tâm đến nhau nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Th không gửi tiền về để chị H nuôi con, và anh Th có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên vợ chồng chị thường xuyên cãi chửi nhau. Từ đó đến nay mâu thuẫn ngày càng căng thẳng, trầm trọng, vợ chồng không quan tâm và sống ly thân nhau. Nay chị H xác định vợ chồng chị sống ly thân đã lâu, cả hai không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

2. Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là Lê Ng A, sinh ngày 10/7/2005 và Lê Ngọc Bình M, sinh ngày 13/5/2014. Ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng do anh Th cũng có nguyện vọng được nuôi một con chung nên chị H đồng ý chị và anh Th mỗi người nuôi một con chung. Chị H và ông Lê Minh Đ (bố anh Th), ông S (người đại diện theo ủy quyền của anh Th) thỏa thuận giao cháu Lê Ngọc Bình M cho chị H nuôi dưỡng và giao cháu Lê Ng A cho anh Th nuôi dưỡng. Chị H đồng ý việc anh Th ủy quyền cho ông Lê Minh Đ nuôi cháu Lê Ng A và nhất trí hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị H có tài sản chung là đất và tài sản trên đất tại thửa 152 + 154, tờ bản đồ 08 thuộc tổ 10, phường T Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE517420 ngày 31/5/2011 mang tên Lã Thị H. Chị H đồng ý với kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá, giá trị tài sản chung là 870.629.334 đồng. Chị H có nguyện vọng được sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất và thanh toán cho anh Th một nửa giá trị tài sản chung là 435.314.667 đồng.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Ngọc Th trình bày ý kiến qua văn bản gửi đến Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện, hoàn cảnh và thời gian kết hôn của vợ chồng anh đúng như chị H trình bày. Thời kỳ đầu hôn nhân vợ chồng anh sống hạnh phúc, đến năm 2008 anh Th đi lao động tại Hàn Quốc, chị H ở nhà không gần gũi với gia đình chồng nên vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2016 chị H đi lao động tại Nhật Bản, vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trầm trọng nên

không còn quan tâm gì đến nhau. Đến nay, anh Th xác định vợ chồng không thể chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Th đồng ý ly hôn chị H.

- Về con chung: Anh Th xác định vợ chồng anh có hai con chung là Lê Ng A, sinh ngày 10/7/2005 và Lê Ngọc Bình M, sinh ngày 13/5/2014. Ly hôn anh Th có nguyện vọng nuôi cháu Lê Ngọc Bình M, và giao chị H nuôi cháu Lê Ng A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Anh Th ủy quyền cho bố anh là Lê Minh Đức nuôi cháu Lê Ngọc Bình M khi được Tòa án giao cho anh quyền nuôi cháu M.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Th trình bày vợ chồng anh có tài sản chung là đất và tài sản trên đất tại thửa 152 + 154, tờ bản đồ 08 thuộc tổ 10, phường T Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE517420 ngày 31/5/2011 mang tên Lã Thị H. Ly hôn anh Th đề nghị Tòa án chia đôi tài sản chung mỗi người một nửa cho vợ chồng anh.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Th ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S được toàn quyền quyết định thay anh Th về việc giải quyết vấn đề con chung và tài sản chung của vợ chồng anh tại Tòa án.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Th là ông Nguyễn Tiến S trình bày: Ông S được anh Th ủy quyền giải quyết tại Tòa án về việc nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng anh Th. Về việc nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng anh Th, ông S có ý kiến như sau:

- Về con chung: Vợ chồng anh Th, chị H có hai con chung là Lê Ng A, sinh ngày 10/7/2005 và Lê Ngọc Bình M, sinh ngày 13/5/2014. Anh Th có nguyện vọng được nuôi một con chung là cháu Lê Ngọc Bình M và giao cho chị H nuôi cháu Lê Ng A. Quá trình hòa giải chị H có nguyện vọng nuôi cháu Lê Ngọc Bình M nên ông S và ông Đ đồng ý. Ông S, ông Đức và chị H đã thỏa thuận về việc nuôi con chung là giao cho chị H trực tiếp nuôi cháu M, giao cho anh Th nuôi cháu Ng A, ông S đã thông báo cho anh Th và anh Th đồng ý về việc này. Vì vậy, ông S đề nghị Tòa án công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con chung. Chị H được trực tiếp nuôi cháu Lê Ngọc Bình M, anh Th được quyền nuôi cháu Lê Ng A, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng anh Th có tài sản chung là đất và tài sản trên đất tại thửa 152 + 154, tờ bản đồ 08 thuộc tổ 10, phường T Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

BE517420 ngày 31/5/2011 mang tên Lã Thị H. Ông S nhất trí với giá trị tài sản chung là 870.629.334 đồng như Hội đồng định giá đã định giá. Do chị H có nguyện vọng sử dụng đất và tài sản trên đất nên anh Th đồng ý. Vì vậy hai bên đã thỏa thuận chị H sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất, chị H phải thanh toán chênh lệch về tài sản cho anh Th là 435.314.667 đồng. Hai bên đã thanh toán xong về tài sản tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Th không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Đ trình bày: Ông được anh Th ủy quyền về việc nuôi con chung của vợ chồng anh Th. Ông nhất trí với thỏa thuận giữa chị H và ông S về việc chị H nuôi cháu Lê Ngọc Bình M, anh Th nuôi cháu Lê Ng A. Ông đồng ý nhận ủy quyền của anh Th về việc nuôi cháu Lê Ng A trong thời gian anh Th không có mặt tại Việt Nam và ông Đ không có ý kiến gì khác.

Kết quả định giá và xem xét thẩm định tại chỗ: diện tích đất 60,2m² x 13.500.000đ/m² = 812.700.000đ; các tài sản trên đất gồm nhà mái bằng, nhà tạm lợp tôn, công trình phụ khép kín có tổng trị giá 57.929.334đ. Tổng giá trị cả đất và các tài sản trên đất là 870.629.334đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về nội dung: xử cho chị H được ly hôn anh Th; về con chung và tài sản chung: công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Ngọc Th có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Th là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của Lã Thị H và anh Lê Ngọc Th là hợp pháp. Chị H và anh Th đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cả hai không còn quan tâm đến nhau, không còn muốn duy trì cuộc sống hôn nhân, chị H và anh Th đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị H anh Th ly thân đã lâu, không ai quan

tâm đến ai, nếu duy trì hôn nhân cũng không mang lại hạnh phúc nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H ly hôn anh Th là đúng với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh Th có hai con chung là Lê Ng A, sinh ngày 10/7/2005 và Lê Ngọc Bình M, sinh ngày 13/5/2014. Anh Th ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến S toàn quyền quyết định tại Tòa án về việc nuôi con chung giữa anh Th và chị H. Ông S và chị H thỏa thuận chị H có quyền nuôi cháu Lê Ngọc Bình M, anh Th có quyền nuôi cháu Lê Ng A; chị H và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do đó, cần giao cho chị H nuôi dưỡng cháu M, giao cháu Ng A cho anh Th nuôi dưỡng là phù hợp. Anh Th ủy quyền cho ông Lê Minh Đ thay anh nuôi cháu Ng A trong thời gian anh Th không có ở Việt Nam và chị H cũng đồng ý việc anh Th ủy quyền cho ông Đ nuôi dưỡng cháu Ngoạc Anh thay anh Th. Xét thấy, việc ủy quyền là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên Tòa án cần chấp nhận. Anh Th và ông Đ tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi cháu Ng A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên tòa án không giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh Th đều xác định vợ chồng có tài sản chung là đất và tài sản trên đất là ngôi nhà mái bằng diện tích 39,8m², nhà tạm lợp tôn, cửa xếp, công trình phụ khép kín tại thửa 152 + 154, tờ bản đồ 08 thuộc tổ 10, phường T Ph, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE517420 ngày 31/5/2011 mang tên Lã Thị H, tổng giá trị tài sản chung là 870.629.334 đồng. Chị H và anh Th đều đề nghị Tòa án chia đôi tài sản cho anh chị. Anh Th ủy quyền cho ông Nguyễn Tiến S toàn quyền quyết định tại Tòa án việc chia tài sản chung giữa anh Th và chị H. Chị H và ông S thỏa thuận giao cho chị H được quyền sử dụng đất và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, chị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Th giá trị ½ tài sản chung là 435.314.667 đồng. Chị H và ông S đã thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán tài sản cho nhau tại phiên tòa và yêu cầu Tòa án công nhận về sự thỏa thuận này. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, cần chấp nhận.

Về nợ chung: Chị H và anh Th đều trình bày anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chị H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Do các đương sự tự thỏa thuận về cách phân chia tài sản chung trước khi mở phiên tòa nên các bên đương sự phải chịu 2,5% giá trị phần tài sản chung được

hưởng. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 3.000.000đ, chi phí định giá tài sản hết 3.000.000đ, tổng cộng là 6.000.000đ; anh Th, chị H mỗi người phải chịu 3.000.000đ, đã nộp xong, nên không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83, 84, 59, 62 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 228, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 - Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lã Thị H được ly hôn anh Lê Ngọc Th.
2. Về con chung: Giao con Lê Ngọc Bình M, sinh ngày 13/5/2014 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao con Lê Ng A, sinh ngày 10/7/2005 anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc anh Th ủy quyền cho ông Lê Minh Đ nuôi cháu Lê Ng A trong thời gian anh Th không có mặt tại Việt Nam. Chị H và anh Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung.
3. Về chia tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau: Chị H được quyền sử dụng 60,2m² đất và được quyền sở hữu các tài sản trên đất tại thửa đất 152+154, tờ bản đồ số 8 thuộc tổ 10, phường T Ph, thành phố Th B, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE517420 do UBND thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình cấp ngày 31/5/2011 mang tên Lã Thị H, có tổng trị giá là 870.629.334 đồng.

Chị H phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Th số tiền 435.314.667 đồng. Chị H đã thanh toán xong nghĩa vụ về tài sản đối với anh Th.

4. Về án phí: Chị Lã Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, chuyển số tiền 300.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai số 0009669 ngày 27/12/2019 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Bình sang thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị Lã Thị H và anh Lê Ngọc Th mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung là 10.882.867 đồng. Anh Th đã nộp tạm ứng 16.750.000đ tại Biên lai thu số 0009264 ngày 12/3/2020 của Cục thi hành án tỉnh Thái Bình, trả lại anh Th 5.867.133đ tiền tạm ứng đã nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lã Thị H, ông Lê Minh Đ có mặt tại phiên tòa,

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Ngọc Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cục THADS tỉnh
- UBND xã Đ S, h. Đ H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Lương Hải Yến